

## BÁO CÁO

Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất  
(từ ngày 22/3/2025 đến 28/3/2025)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2024-2025

Diện tích phục vụ vụ Đông Xuân 2023-2024 đến ngày 28/3/2025: **22.847,5 ha/22.339.9 ha** (KH vụ Đông xuân)/**68.867 ha/năm** (kế hoạch SXKD) ha đạt **102%** so với KH vụ và đạt **33,2%** so với kế hoạch năm:

+ Khu vực Củ Chi: **11.396,4ha** (Lúa: 5.107,0 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 2.738,0 ha; Nuôi trồng Thủy sản: 243,8 ha; Rau màu, cỏ chăn nuôi: 2.438,5 ha, Ngăn triều: 869,1 ha).

+ Khu vực Hóc Môn - Bình Chánh: **4.483,9 ha** (Lúa: 907,8 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 1.523,6 ha; Rau màu, cây CN ngắn ngày: 201,5 ha; Nuôi trồng Thủy sản: 55,1 ha, Ngăn mặn: 1.795,9 ha);

+ Khu vực Nam rạch Tra: **3.733,4 ha** (Lúa: 6,8 ha; Cây công nghiệp dài ngày: 274,8 ha; Rau màu, cây CN ngắn ngày: 332,7ha; Thủy sản: 22,3 ha, Ngăn triều: 2.598,0 ha, Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị: 498,8 ha);

+ Khu vực Thủ Đức: **3.233,8 ha** (Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị, trừ vùng nội thị : 541,0 ha; Ngăn triều: 2.692,8 ha).

### II. TÌNH HÌNH THU HOẠCH VỤ ĐÔNG XUÂN 2024 -2025: 5515,8 ha, cụ thể:

#### 1. Khu vực Củ Chi: 5.080,8 ha; cụ thể:

– Lúa: 4.082,9 ha (Trung Lập Thượng: 935,1 ha, Trung Lập Hạ: 337,3 ha, Thái Mỹ: 36,4 ha, Phước Thạnh: 408,6 ha, Phước Hiệp: 97,2 ha, An Nhơn Tây: 212,7 ha, Nhuận Đức: 320,7 ha, Phú Mỹ Hưng: 28,3 ha, Phước Vĩnh An: 66,8 ha, Tân An Hội: 157,4 ha; Tân Thông Hội: 37,9 ha, Tân Phú Trung: 698,7 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 3,12 ha, Thai Thai – Bến Súc: 11,5 ha; Tân Thạnh Đông: 614,0; Cây Xanh – Bà Bép: 39,4 ha; Bắc rạch Tra: 26,4 ha; Láng The – Sông Lu: 51,4 ha).

– Rau màu: 997,9 ha.

2. Khu vực Hóc Môn – Bắc Bình Chánh: **435 ha** (Lúa: 430 ha; rau, màu, cây CN ngắn ngày: 5 ha).

### III. TÌNH HÌNH XUỐNG GIỒNG VỤ HÈ THU 2025

#### Khu vực Củ Chi: 1.243 ha; cụ thể:

– Lúa: 1.192,5 ha (Trung Lập Thượng: 340,5 ha, Trung Lập Hạ: 175,0 ha, Thái Mỹ: 32,0 ha, Phước Thạnh: 334,0 ha, Phước Hiệp: 100,7 ha, An Nhơn Tây: 16,0 ha, Nhuận Đức: 17,1 ha; Phước Vĩnh An: 11,9 ha, Tân An Hội: 53,6 ha; Tân Thông Hội: 7,5 ha, Tân Phú Trung: 77,8 ha; An Phú – Phú Mỹ Hưng: 2,9 ha, Tân Thạnh Đông: 2,5 ha, Láng The – Sông Lu: 21);

– Rau màu: 50,5 ha.

### IV. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC

#### 1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐT N25 từ ngày 22/03/2025 đến ngày 28/03/2025: 8.234.421 m<sup>3</sup>, cụ thể:

Ngày	K34				N25		
	MNTL	MNHL	A	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )	Q(m <sup>3</sup> /s)	W(m <sup>3</sup> )
22/03/2025	13,78	13,44	0,9	10,92	943.091	3,83	330.789
23/03/2025	13,70	13,42	0,9	9,91	855.841	3,03	261.512

24/03/2025	13,63	13,34	0,9	10,08	870.990	3,17	274.276
25/03/2025	13,70	13,37	0,9	10,75	929.118	3,32	286.472
26/03/2025	13,72	13,38	0,9	10,92	943.091	3,58	309.425
27/03/2025	13,65	13,36	0,9	10,08	870.990	1,66	143.236
28/03/2025	13,68	13,35	0,9	10,75	929.118	3,32	286.472
<b>Tổng cộng</b>					6.342.239		1.892.182

b. Lượng nước sử dụng từ ngày 22/03/2024 đến 28/03/2025 là 134,52 triệu m<sup>3</sup>, bằng 96,19% so cùng kỳ và bằng 33,77% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 98,75 triệu m<sup>3</sup>, K0 – N25: 35,77 triệu m<sup>3</sup>).

c. Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2. Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (11,6 ÷ 16,3) NTU và pH dao động từ (6,97 ÷ 7,17).

**3. Mục nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (21,62 ÷ 21,81) m.

Ngày	Mục nước năm 2025 (m)	Mục nước năm 2024 (m)
28/03/2025	21,62	20,83
27/03/2025	21,65	20,87
26/03/2025	21,68	20,91
25/03/2025	21,71	20,95
24/03/2025	21,74	20,98
23/03/2025	21,78	21,02
22/03/2025	21,81	21,05

**4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:**

– **Mực nước Max trong tuần:**

- + Công Gò Dưa : + 1,19 m
- + Công Ba Thôn : + 1,15 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 1,10 m
- + Công kênh C : + 1,19 m
- + Công An Hạ : + 1,02 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2025) Ngày 28/03/2025		Độ mặn (2024) Ngày 27/03/2024	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Công Tân Kiên	6,95	7,06	<b>4,1</b>	<b>1,1</b>	5,8	1,7
2	Công kênh C	7,01	6,98	<b>3,3</b>	<b>0,7</b>	5,1	1,2
3	Công kênh B	6,92	6,88	<b>2,5</b>	<b>0,6</b>	4,0	0,8
4	Công kênh A	6,78	6,77	<b>2,1</b>	<b>0,5</b>	3,2	
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,56		<b>1,8</b>		2,4	
6	Công cuối kênh Ranh	6,72		<b>0,6</b>		0,7	
7	Công An Hạ	6,39	6,30	<b>0,4</b>		0,6	
8	Công T10	6,66		<b>0,2</b>		0,2	

## **V.TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:**

- Công trình an toàn; Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.